

# KHUNG THIẾT KẾ CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC: KẾT HỢP DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ DỰA VÀO MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

**NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG**  
Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

**Tóm tắt:** Bài viết đề xuất sử dụng một khung hỗ trợ việc thiết kế chương trình (CT) môn học theo hướng kết hợp dạy học và đánh giá năng lực người học dựa theo một mô hình/đường phát triển năng lực. Trong bài, tác giả tập trung phân tích những lợi ích chủ yếu mà CT môn học dành cho học sinh (HS). Khi phát triển CT môn học cần chú ý: 1/ Xác định sự đóng góp của môn học để giúp HS tự tin, có kĩ năng học tập, sống và làm việc có trách nhiệm; 2/ Lựa chọn và tổ chức nội dung, thiết kế nhiệm vụ học tập, tổ chức quá trình học tập... nhằm tạo cơ hội để cá nhân phát triển sở thích, hứng thú, tiềm năng của bản thân; 3/ Xây dựng kế hoạch giáo dục theo hướng tích hợp đánh giá, giảng dạy và học tập trên cơ sở đường phát triển học tập.

**Từ khóa:** Chương trình môn học; khung thiết kế chương trình môn học; dạy học; đánh giá, phát triển năng lực.

(Nhận bài ngày 19/02/2016; Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa ngày 09/3/2016; Duyệt đăng ngày 24/6/2016)

## 1. Giới thiệu bối cảnh phát triển chương trình môn học ở Việt Nam

### 1.1. Xu hướng quốc tế

Gần đây, OECD khuyến cáo, đổi mới CT giáo dục phổ thông (GDPT) được xem là hiệu quả nếu nó thực sự "sống" trong trường học - tức là nó phản ánh được nhu cầu đánh giá, dạy và học của nhà trường, không phải chỉ có sự chỉ đạo từ chính quyền trung ương [1]. Nhiều quốc gia đang đổi mới CT GDPT theo hướng vừa đáp ứng mô hình nhân cách người HS tương lai, vừa đáp ứng nhu cầu thực tiễn nhà trường hiện tại, cụ thể như sau:

- CT Scotland hỗ trợ HS trở thành "người học thành công, cá nhân tự tin, công dân có trách nhiệm, và cá nhân đóng góp hiệu quả". Mỗi lĩnh vực phải xác định những đóng góp cụ thể vào mô hình này. Kế hoạch giáo dục được thiết kế đảm bảo có sự linh hoạt đáng kể cho nhà trường. Ví dụ, thiết lập khung các hoạt động đánh giá, giảng dạy và học tập tích hợp xuyên môn, liên môn [2].

- CT Úc nhằm hỗ trợ để HS trở thành "người học thành công, cá nhân tự tin và sáng tạo, công dân tích cực và toàn cầu" được xem là tổng hòa 7 năng lực chung (Sử dụng ngôn ngữ; Tính toán; Công nghệ thông tin; Tư duy phê phán và sáng tạo; Cá nhân và xã hội; Ứng xử đạo đức; Hiểu biết đa văn hóa). CT môn học được xây dựng trên cơ sở thực tiễn nhà trường theo hướng: mục tiêu đóng góp vào mô hình người học; tổ chức nội dung theo lớp học và cấp học; chuẩn đầu ra thể hiện sự phát triển năng lực. Trong đó, mô hình/đường phát triển năng lực phải mô tả sự tăng dần về độ rộng, sâu của kiến thức và sự thành thạo kĩ năng tại điểm chuyển giao hai giai đoạn giáo dục liên tiếp. Kế hoạch đánh giá, giảng dạy, học tập dựa trên cơ sở đường phát triển năng lực phù hợp với môn học [3]; [4].

- CT Singapore nhằm tạo ra "con người tự tin, tự định hướng, đóng góp tích cực và công dân toàn cầu" - là tổng hòa các giá trị (trách nhiệm, tự nhận thức, tự quản lí, quản lí mối quan hệ) và kĩ năng (giao tiếp, tư duy phê phán và sáng tạo, hiểu biết công dân, nhận thức toàn

cầu và liên văn hóa) cốt lõi. CT môn học được thiết kế trên cơ sở xác định sự đóng góp vào mô hình nhân cách tại mỗi cấp học (Ví dụ, HS cuối cấp Tiểu học có thể: phân biệt đúng và sai; chia sẻ sự hiểu biết với người khác; xây dựng tình bạn; có sự tò mò khoa học; luôn suy nghĩ và lí giải; tự hào về mình; có thói quen lành mạnh; yêu đất nước) [5].

- CT Nam Phi nhằm giúp HS trở thành "người học có hiệu quả và công dân có trách nhiệm" thông qua các kĩ năng sống (giao tiếp, tư duy phê phán, hoạt động và quản lí thông tin, làm việc nhóm và cộng đồng, đánh giá). Đường phát triển mỗi kĩ năng được phác họa trải suốt các giai đoạn giáo dục. Chuẩn CT môn học mô tả sự phát triển các kĩ năng (sự thách thức về nội dung, sự phức tạp về nhiệm vụ, và sự phát triển về năng lực). Lập kế hoạch đánh giá, dạy và học trên cơ sở đường phát triển các kĩ năng và nội dung học tập [6].

### 1.2. Định hướng đổi mới chương trình giáo dục phổ thông ở Việt Nam

Mục tiêu CT GDPT mới là: "Phát triển khả năng vốn có của bản thân, hình thành tính cách và thói quen; phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần; trở thành người học tích cực, tự tin, có ý thức lựa chọn nghề nghiệp và học tập suốt đời; có những phẩm chất và các năng lực cần thiết để trở thành người công dân có trách nhiệm, người lao động cần cù, có tri thức và sáng tạo". Các mục tiêu này được thể hiện cụ thể ở ba phẩm chất (sống yêu thương, sống tự chủ, sống trách nhiệm) và 8 năng lực chung (tự học, giải quyết vấn đề và sáng tạo, thẩm mĩ, thể chất, giao tiếp, hợp tác, tính toán, công nghệ thông tin - truyền thông) [7].

Qua phân tích nội hàm mục tiêu và những yếu tố thành phần của các phẩm chất, năng lực nói trên, chúng tôi thấy có thể khái quát hóa rằng, CT mới sẽ cung cấp môi trường giáo dục, tạo cơ hội để HS có thể trở thành "cá nhân tự tin; có các kĩ năng học tập suốt đời, sống và làm việc; công dân có trách nhiệm" (xem hình 1). Đáp ứng yêu cầu xã hội và nhu cầu thực tiễn, CT mới sẽ có một số đặc điểm sau:

- Tập trung giáo dục cơ bản, toàn diện (qua 8 lĩnh vực tích hợp) ở cấp Tiểu học và cấp Trung học cơ sở (THCS); giáo dục hướng nghiệp (qua các môn học phân hóa theo hình thức bắt buộc và tự chọn); tạo cơ hội đạt trình độ trung học phổ thông (THPT) quốc gia;

- Quy định kết quả đầu ra mỗi cấp học về 3 phẩm chất và 8 năng lực chung; hỗ trợ HS đạt các kết quả đầu ra thông qua hệ thống môn học, chuyên đề học tập và hoạt động trải nghiệm sáng tạo;

- Tạo cơ hội phát triển kĩ năng học tập suốt đời, kĩ năng sống (yêu thương, tự chủ, có trách nhiệm) và kĩ năng làm việc ở cả hai giai đoạn giáo dục;

- Đảm bảo nhịp độ học tập và thách thức học tập phù hợp cho mọi HS trên cơ sở hứng thú, khả năng tiềm ẩn mỗi người;

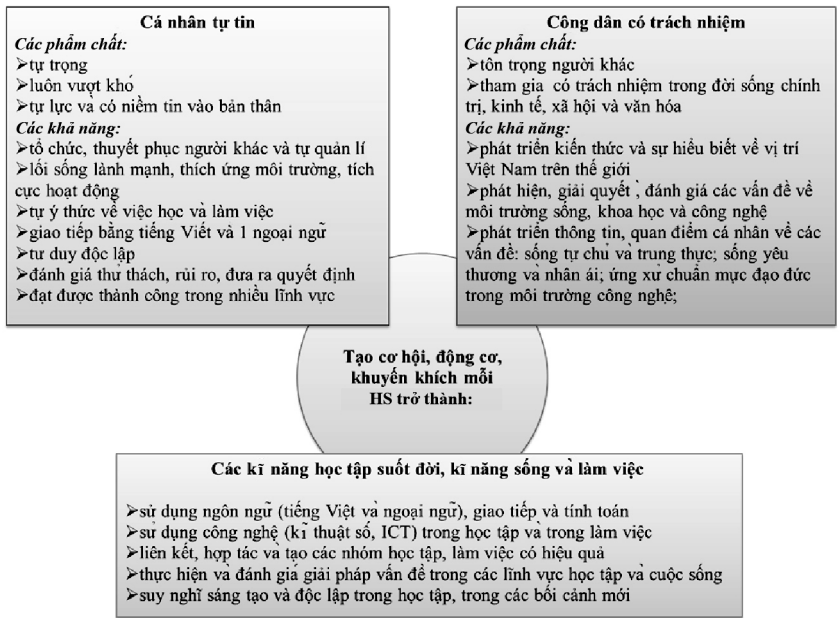
- Đảm bảo kết nối các hoạt động giáo dục (học tập, dạy học và đánh giá) để hỗ trợ tốt sự phát triển nhân cách HS (*cá nhân tự tin; có các kĩ năng học tập suốt đời, sống và làm việc; là công dân có trách nhiệm*).

Để tìm hiểu nhu cầu thực tiễn, từ năm 2013, một số ý tưởng trên đã được thử nghiệm tại 187 trường phổ thông gồm: điều chỉnh cấu trúc, nội dung dạy học; xây dựng kế hoạch giáo dục môn học, hoạt động giáo dục của trường; đổi mới phương pháp và hình thức giáo dục, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục theo hướng phát triển năng lực; đổi mới quản lí giáo dục theo nhằm nâng cao hiệu quả của CT giáo dục nhà trường;...[8].

Trên cơ sở định hướng CT tổng thể của Bộ GD&ĐT, chúng tôi đề xuất một khung thiết kế CT môn học theo hướng kết hợp đánh giá, giảng dạy và học tập nhằm phát triển năng lực, hỗ trợ để HS trở thành "*cá nhân tự tin; có các kĩ năng học tập suốt đời, sống và làm việc; và công dân có trách nhiệm*".

**2. Khung thiết kế chương trình môn học theo hướng kết hợp đánh giá, giảng dạy và học tập**

Theo UNESCO, CT môn học là tập hợp những kinh nghiệm, kiến thức, kĩ năng môn học, được lựa chọn, tổ chức và lập kế hoạch thực hiện trong giai đoạn giáo dục môn học đó. CT này phải thể hiện các định hướng đổi mới của CT tổng thể, với trọng tâm là "phát triển năng lực".

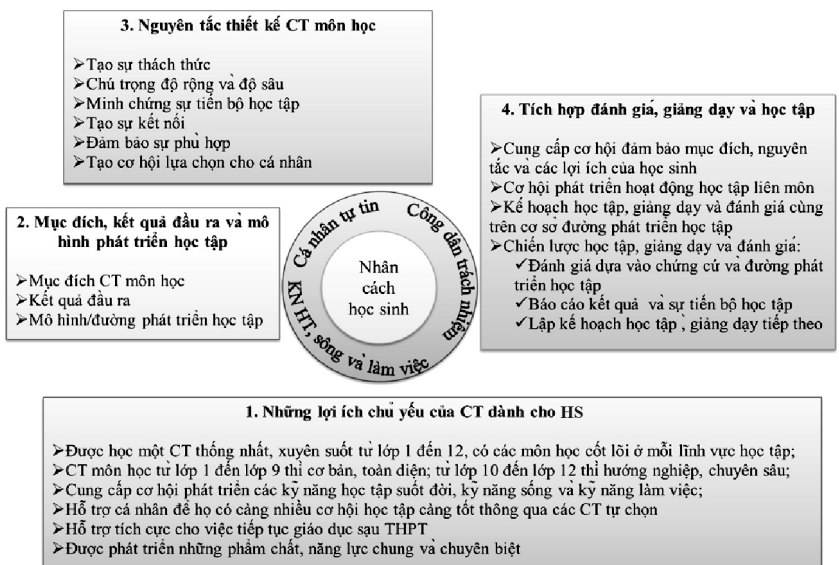


Hình 1: Mục đích của CT GDPT

Khung thiết kế CT môn học (Framework for curriculum design) mô tả các yêu cầu khái quát và quá trình xây dựng, kết nối các thành tố CT để giải quyết một số câu hỏi cơ bản, chẳng hạn như "những gì cần được học", "các nguồn lực nào là cần thiết", "cách thức đánh giá việc học thế nào"... để bảo đảm bảo hình thành mô hình người học dự kiến [9].

Chúng tôi đề xuất một khung thiết kế CT môn học - để môn học góp phần tích cực giúp HS trở thành "*cá nhân tự tin; có các kĩ năng học tập suốt đời, sống và làm việc; và công dân có trách nhiệm*" (xem hình 2).

**2.1. Những lợi ích chủ yếu mà chương trình môn học dành cho học sinh**



Hình 2: Bốn đặc điểm chủ yếu của Khung thiết kế CT môn học

Mọi HS sẽ được hưởng lợi từ một số thuộc tính quan trọng sau của CT môn học:

- Được học tập và thực hành công việc ở một lĩnh vực xuyên suốt từ lớp 1 đến lớp 12, trong đó môn học sẽ đóng vai trò cốt lõi suốt giai đoạn giáo dục. Ví dụ, ở lĩnh vực ngôn ngữ và văn học, môn Tiếng Việt là cốt lõi từ lớp 1 đến lớp 5, hai môn Ngữ văn và Ngoại ngữ 1 là cốt lõi từ lớp 6 đến lớp 12.

- Được cung cấp cơ hội sử dụng các kinh nghiệm học tập và đạt các kết quả đầu ra cơ bản của môn học từ lớp 1 đến lớp 9; được cung cấp cơ hội để tiếp tục đạt các kinh nghiệm học tập và kết quả đầu ra cao hơn cũng như phát triển một số kĩ năng nghề nghiệp tương lai, từ lớp 10 đến lớp 12;

- Được cung cấp nhiều cơ hội thông qua môn học để phát triển các kĩ năng học tập suốt đời, kĩ năng sống và kĩ năng làm việc (xem hình 1);

- Hỗ trợ sự phát triển cá nhân từ những cơ hội tự chọn học phần, chuyên đề, hoạt động phù hợp với mình (chẳng hạn tiếng dân tộc, ngoại ngữ 2, toán 2, ngữ văn 2, chuyên đề học tập, thể thao, âm nhạc,...);

- Hỗ trợ giáo dục sau THPT - tự chọn theo nhóm môn để có kiến thức, kĩ năng, thái độ phù hợp trình độ đào tạo trung cấp, cao đẳng hoặc đại học;

- Được phát triển những năng lực chuyên biệt phù hợp với nghề nghiệp tương lai, được rèn luyện để trở thành cá nhân tự tin và công dân có trách nhiệm.

## 2.2. Mục đích, kết quả đầu ra và mô hình phát triển học tập

- Mục đích CT môn học là tạo cơ hội, tạo động cơ để góp phần giúp HS trở thành: 1/ Cá nhân tự tin; 2/ Có các kĩ năng học tập suốt đời, kĩ năng sống, kĩ năng làm việc; 3/ Công dân có trách nhiệm. Mục đích này sẽ được xác định cụ thể trên cơ sở chuẩn đầu ra ở mỗi cấp học trong CT tổng thể.

- Kết quả đầu ra sẽ cụ thể hóa mục đích CT, trong mối liên quan với lĩnh vực mà môn học đó đóng vai trò cốt lõi. Nó mô tả yêu cầu cần đạt (là *sự am hiểu về kiến thức, sự thành thạo về kĩ năng và sự chuẩn mực về thái độ*) theo lớp học, cấp học và giai đoạn giáo dục (cơ bản và hướng nghiệp) dựa trên cơ sở chuẩn đầu ra cấp học ở CT tổng thể, thông qua đó khẳng định sự đóng góp của môn học vào nhân cách người học.

- Sự phát triển phẩm chất, năng lực của mỗi HS phụ thuộc nhiều vào các cơ hội thực hiện hoạt động học tập và ứng dụng kiến thức trong thực tiễn mà CT tạo ra. Vì vậy, kết quả đầu ra môn học cần cung cấp một mô hình *phát triển học tập* gồm cả chiều rộng (là sự mở rộng, phong phú) và chiều sâu (là mức độ khó, phức tạp), được chia thành nhiều mức độ để đáp ứng nhu cầu của ít nhất ba nhóm (đang cần hỗ trợ để tiếp cận tới, đạt, vượt các yêu cầu đầu ra).

## 2.3. Các nguyên tắc cơ bản khi thiết kế chương trình môn học

- *Tạo sự thách thức thích hợp*: CT môn học cần cung cấp cơ hội để tạo những thách thức thích hợp cho sự phát triển mỗi cá nhân. Việc tổ chức, sắp xếp các kết quả đầu ra, nội dung và nhiệm vụ học tập có nhiều mức độ khó khác nhau sẽ hỗ trợ giáo viên hoạch định sự phát triển phù hợp cho HS. Ví dụ, có những trẻ nhập học tiểu học mà vẫn cần hỗ trợ các khái niệm đã được học ở mầm

non, ngược lại có những trẻ mầm non song đã sẵn sàng tham gia một số thách thức của giáo dục tiểu học.

- *Chiều rộng và sâu về kiến thức*: CT cần đảm bảo cung cấp đủ thời gian và chiều rộng kiến thức cần thiết để HS có thể vượt qua một mức độ phát triển học tập nhất định (qua việc dành thêm thời gian, thay đổi cách tiếp cận, hỗ trợ khi cần,...); phát triển theo chiều sâu thể hiện khi tạo cơ hội để HS suy nghĩ xa hơn những gì đã biết, thực hiện nhiệm vụ khó hơn những gì đã làm (qua việc thảo luận về học tập, giải thích cho bạn, áp dụng vào các bối cảnh khác nhau,...).

- *Thiết lập mình chứng cho sự phát triển*: Khi HS vượt qua các thách thức ở một mức độ phát triển, họ sẽ vươn lên mức độ cao hơn. Mình chứng về sự tiến bộ của HS, từ khi nhập học tiểu học (kết quả đầu ra của giáo dục mầm non) đến cuối cấp Tiểu học, cuối cấp THCS và cấp THPT, phải được thiết lập dựa trên cơ sở đường phát triển học tập - đó chính là những gì HS đã nói, viết, tạo ra và làm được.

- *Tạo sự kết nối và đảm bảo sự phù hợp*: Đảm bảo sự gắn kết khi thiết kế CT môn học là việc tạo cơ hội để HS phân tích sự kết nối giữa các mạch/ phần môn của môn học, giữa môn học này với các môn học khác cùng lĩnh vực và giữa các lĩnh vực thông qua các chủ đề, nhiệm vụ liên môn. Đảm bảo sự phù hợp là việc lựa chọn nội dung để kết nối được kinh nghiệm của HS với môi trường (gia đình, cộng đồng địa phương, thế giới việc làm,...) và kiến thức chuyên môn sâu của giáo viên.

- *Tạo cơ hội lựa chọn cho cá nhân*: Cơ hội cho sự lựa chọn của cá nhân ở mỗi giai đoạn giáo dục có thể được cung cấp từ các dự án học tập, nhiều hoạt động trong lớp học, những hình thức học tập độc lập (như đọc sách, tự suy nghĩ, tự đánh giá,...), những kiểu học tập đa dạng (như hình ảnh, thiên nhiên, nghiên cứu, hoạt động,...).

## 2.4. Kết hợp đánh giá, dạy học và học tập

- Kế hoạch giáo dục môn học là cơ hội thể hiện rõ ràng các lợi ích mà CT dành cho HS, mục đích và kết quả đầu ra, các nguyên tắc thiết kế CT. Cách tiếp cận là lập kế hoạch giáo dục dự kiến trong CT và lập kế hoạch giáo dục thực hiện CT tại trường học đều dựa vào mô hình/ đường phát triển học tập. Cụ thể là:

- Thiết kế hoạt động đánh giá (thường xuyên, định kì) và hướng dẫn sử dụng kết quả đánh giá để phản hồi kịp thời, chính xác cho HS về những gì họ đã học được và đang tiến bộ thế nào trên cơ sở đường phát triển học tập;

- Lập kế hoạch can thiệp sư phạm (điều chỉnh cách tiếp cận, chiến lược dạy học, thay đổi phương pháp dạy học, tăng cường tự học, tự đọc, tìm hiểu tài liệu học tập,...) cho giai đoạn giáo dục tiếp theo;

- Thực hiện kế hoạch dạy và học; đánh giá quá trình; điều chỉnh kế hoạch giảng dạy nếu cần thiết;

- Đánh giá định kì kết quả học tập theo các đầu ra; xác định sự tiến bộ của cá nhân theo đường phát triển học tập; xác định thời điểm cá nhân có thể chuyển sang mức độ phát triển cao hơn.

Đánh giá sự tiến bộ học tập và xác định vị trí (kiến thức, kĩ năng) mà HS có thể chuyển sang mức phát triển cao hơn để lập kế hoạch can thiệp phù hợp là một đặc tính quan trọng của cách tiếp cận "*đánh giá vì việc học*".



Có thể minh họa cho cách tiếp cận trên ở mô hình sau (xem hình 3).



Hình 3: Mô hình lập kế hoạch CT và kế hoạch đánh giá, dạy học, học tập

Trong đó, chiến lược đánh giá, dạy học và học tập môn học phù hợp là: 1/Đánh giá phải dựa vào minh chứng và đường phát triển học tập môn học; 2/ Lưu trữ, báo cáo kết quả việc học và sự tiến bộ học tập dựa vào bằng chứng; 3/Lập kế hoạch học tập và giảng dạy ở giai đoạn giáo dục tiếp theo trên cơ sở sử dụng các kết quả đánh giá một cách hợp lý.

### 3. Kết luận

Chúng tôi đã phác thảo một khung thiết kế CT môn học với cách tiếp cận là kế hoạch giáo dục của CT và kế hoạch đánh giá, dạy học, học tập trong nhà trường cùng trên cơ sở mô hình/đường phát triển học tập. Để đảm bảo những lợi ích căn bản cho HS khi học môn học (được cung cấp một lĩnh vực xuyên suốt, có nhiều cơ hội để đạt yêu cầu đầu ra, được phát triển các kĩ năng học tập, sống và làm việc, được hỗ trợ tích cực để đạt trình độ THPT quốc gia, chuẩn bị tâm thế cho nghề nghiệp tương lai), việc hoạch định CT môn học cần chú trọng các vấn đề sau:

1/ Xác định xem môn học sẽ góp phần tích cực để phát triển những đặc tính nào của “cá nhân tự tin”, những kĩ năng nào cho “học tập suốt đời, sống và làm việc”, những đặc tính nào của “công dân có trách nhiệm”. Từ đó xác định các kết quả đầu ra và phác thảo mô hình/đường phát triển học tập (tổng hòa sự am hiểu về kiến thức, sự thành thạo về kĩ năng thực hành và sự chuẩn mực về thái độ) qua các lớp học, cấp học.

2/ Việc lựa chọn, sắp xếp và tổ chức các nội dung (cơ bản hay nâng cao), thiết kế các nhiệm vụ (đơn giản

hay phức tạp), tổ chức học tập (trong hay ngoài nhà trường),... phải đảm bảo: tạo ra sự thách thức phù hợp với người học, đủ rộng và sâu để khuyến khích học tập, tạo cơ hội thu thập các minh chứng giá trị và đáng tin, tạo sự kết nối trong môn học và với các môn học khác, tạo nhiều cơ hội lựa chọn để cá nhân có thể phát triển tối đa sở thích, hứng thú và tiềm năng của mình.

3/ Xây dựng kế hoạch giáo dục trong CT và kế hoạch giáo dục trong nhà trường theo hướng kết hợp đánh giá, dạy học và học tập trên cơ sở mô hình/ đường phát triển học tập. Đánh giá sự tiến bộ và xác định thời điểm cá nhân có thể chuyển lên mức phát triển cao hơn dựa vào các bằng chứng, lập kế hoạch dạy và học trên cơ sở sử dụng kết quả đánh giá. Thực hiện hoạt động dạy, học và đánh giá sự tiến bộ của người học.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. OECD, (2007), *Review of national policies for education: Quality and Equity of Schooling in Scotland*, ISBN 978-92-64-04099-1 © OECD 2007.
- [2]. Scottish Government, (2010), *Building the curriculum 3: a framework for learning and teaching*.
- [3]. ACARA, (2012), *Australian Curriculum development Process*.
- [4]. ACARA, (2013), *General Capabilities in the Australian Curriculum*.
- [5]. Frank Adamson Linda Darling, (2011), *Policy Pathways for 21<sup>st</sup> Century Skills*, Scope Policy Analysis.
- [6]. INCA, (2011), *Curriculum specification in seven countries*.
- [7]. Bộ GD&ĐT, (2015), *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể*, tháng 8 năm 2015.
- [8]. Công văn số 791/HD-BGDĐT ngày 25/06/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn phát triển chương trình giáo dục nhà trường.
- [9]. UNESCO International Bureau of Education, (2013), *Glossary of Curriculum Terminology*.
- [10]. Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về Đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo.

## CURRICULUM DESIGN FRAMEWORK: TO COMBINE COMPETENCE-BASED TEACHING, LEARNING AND ASSESSMENT

Nguyen Thi Lan Phuong  
The Vietnam Institute of Educational Sciences

**Abstract:** *The paper proposes a supplemental framework to support curriculum development towards the integration of teaching and assessing learners' competence basing on a model/way to develop competence. The author focuses on analyzing the benefits of curriculum for students. Notes in curriculum development: 1 / Identify contribution of the course to students' self-esteem, study skills, life and work responsibilities; 2 / select and organize learning content, tasks, process... to create opportunities for individuals to develop potential interest and excitement; 3 / Develop educational plan towards integrating evaluation, teaching and learning based on developing ways of learning.*

**Keywords:** *Curriculum; framework for curriculum design; teaching, evaluation; competence development.*